

Bản án số: 24/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 22-02-2023

V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Phương Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Điệp.

2. Ông Phan Quốc Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 22 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 639/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2022 về “*Tranh chấp hôn nhân gia đình - Ly hôn, nuôi con và chia tài sản khi ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Hồ Thị Ngọc N, sinh năm 2002 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Huỳnh Tấn H, sinh năm 2002 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp D, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 13/10/2022 và tại phiên hòa giải, chị Hồ Thị Ngọc N là nguyên đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Qua thời gian tìm hiểu thì chị N và anh Huỳnh Tấn H được gia đình tổ chức lễ cưới năm 2021 nhưng không đăng ký kết hôn.

Thời gian đầu vợ chồng sống chung hạnh phúc, nhưng từ tháng 8 năm 2022 vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, anh H đã có ý định ly hôn với chị N. Hiện tại vợ chồng không chung sống mà chị N đang ở chung với cha mẹ ruột. Nhận thấy không

thể tiếp tục sống chung với nhau nữa, không hàn gắn tình cảm được nên chị **N** yêu cầu ly hôn với anh **H**.

- Về nuôi con: Vợ chồng có 01 con chung tên **Huỳnh Hoàng Đ**, sinh ngày 03/8/2022, hiện do chị **N** nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị **N** yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh **H** cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản khi ly hôn:

Khi khởi kiện thì chị **N** yêu cầu chia đôi tài sản chung gồm: 60 chỉ vàng 24k và 10 chỉ vàng 18k. Tuy nhiên, tại phiên hòa giải thì chị **N** và anh **H** đã tự thỏa thuận được nên xin rút toàn bộ yêu cầu về chia tài sản khi ly hôn, không yêu cầu Tòa án tiếp tục giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

*Tại phiên hòa giải ngày 16/02/2023, anh **Huỳnh Tấn H** là bị đơn trình bày:*

- Về hôn nhân: Anh **H** thống nhất lời trình bày của chị **N** về thời gian kết hôn và việc vợ chồng không đăng ký kết hôn. Sau thời gian sống chung đã xảy ra nhiều mâu thuẫn đến mức không hàn gắn được, tình cảm không còn nên nay anh **H** đồng ý ly hôn với chị **N**.

- Về nuôi con: Vợ chồng có 01 con chung tên **Huỳnh Hoàng Đ**, sinh ngày 03/8/2022, hiện con đang sống với chị **N**. Khi ly hôn, anh **H** đồng ý để chị **N** tiếp tục nuôi dưỡng con chung, anh **H** không cấp dưỡng nuôi con do chị **N** yêu cầu.

- Về chia tài sản khi ly hôn: Anh **H** trình bày vợ chồng chỉ có tài sản chung là vàng cưới gồm 40 chỉ vàng 24k và 10 chỉ vàng 18k. Tuy nhiên, tại phiên hòa giải, anh **H** và chị **N** đã thỏa thuận được về việc chia tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của chị **Hồ Thị Ngọc N** và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là về ly hôn, nuôi con và chia tài sản khi ly hôn, địa chỉ của bị đơn tại **huyện C** nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân **huyện C** quy định tại khoản 1, Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Chị **Hồ Thị Ngọc N** là nguyên đơn và anh **Huỳnh Tấn H** là bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị **N** và anh **H** theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[3] Về hôn nhân: Chị **N** và anh **H** thống nhất trình bày anh chị được gia đình tổ chức đám cưới năm 2021, đã chung sống với nhau nhưng đến nay không đăng ký

kết hôn. Xét thấy, từ khi chung sống đến nay, chị **N** và anh **H** có đầy đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, đã chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2021 nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nay giữa chị **N** và anh **H** đã xảy ra mâu thuẫn dẫn đến chị **N** yêu cầu ly hôn. Căn cứ quy định tại khoản 1, Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình 2014, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị **N** và anh **H**.

[4] Về nuôi con: Vợ chồng có 01 con chung tên **Huỳnh Hoàng Đ**, sinh ngày 03/8/2022, hiện con đang sống với chị **N**. Khi ly hôn, chị **N** và anh **H** thống nhất chị **N** tiếp tục nuôi dưỡng con chung, chị **Như k** yêu cầu anh **H** cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy việc thỏa thuận về nuôi con như trên là không trái luật và đạo đức xã hội nên áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình công nhận sự thỏa thuận của chị **N** và anh **H**.

[5] Anh **H** không trực tiếp nuôi con chung nên có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

[6] Về chia tài sản khi ly hôn: Chị **N** và anh **H** thống nhất trình bày có tài sản chung. **N**ng nay chị **N** xin rút yêu cầu chia tài sản khi ly hôn do chị **N** và anh **H** đã tự thỏa thuận được, không yêu cầu Tòa án tiếp tục giải quyết. Xét thấy, việc rút yêu cầu của chị **N** là tự nguyện nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia tài sản khi ly hôn của chị **N**.

[7] Về nợ chung: Chị **N** và anh **H** thống nhất không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì chị **N** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng và được trả lại số tiền tạm ứng án phí chia tài sản khi ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 28, 35, 39, 228, 244 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 14, 53, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016.

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị **Hồ Thị Ngọc N** và anh **Huỳnh Tấn H** là vợ chồng.

2. Về nuôi con: Công nhận sự thỏa thuận của chị **Hồ Thị Ngọc N** và anh **Huỳnh Tấn H** về việc chị **Hồ Thị Ngọc N** được tiếp tục nuôi con chung là cháu **Huỳnh Hoàng Đ**, sinh ngày 03/8/2022. Anh **Huỳnh Tấn H** không phải cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản khi ly hôn: Đình chỉ xét xử yêu cầu chia tài sản khi ly hôn của chị **Hồ Thị Ngọc N.**

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị **Hồ Thị Ngọc N** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà chị **Hồ Thị Ngọc N** đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014951 ngày 23/12/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Trả lại cho chị **Hồ Thị Ngọc N** số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.425.000 đồng (Bốn triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014950 ngày 23/12/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

6. Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND H. Cao Lãnh;
- CC THADS H. Cao Lãnh;
- TAND tỉnh ĐT;
- UBND xã Bình Thạnh và Bình Hàng Tây;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Phương Thảo